

DANH SÁCH THI TỐT NGHIỆP

Môn: 1220211 - HD-Lý thuyết chuyên môn

Ngành/Nghề: Kỹ thuật Chế biến món ăn - 12323

Ngày thi: 15/09/2025

Thời gian thi: 120 phút

Bắt đầu thi lúc: 08h00

Đợt: Đợt 3/2025

Trình độ: Cao đẳng

Phòng: L.201

| STT | SBD | Tên lớp   | Họ và tên           |       | Ngày sinh  | Mã đề | Số tờ | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|---------------------|-------|------------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 001 | CĐBE03N01 | Phan Văn            | Duy   | 04/09/2004 |       |       |        |         |
| 2   | 002 | CĐBE03N09 | Hoàng Ngọc Hải      | Đăng  | 01/08/2004 |       |       |        |         |
| 3   | 003 | CĐBE02N06 | Trần Kim            | Đồng  | 28/01/2003 |       |       |        |         |
| 4   | 004 | CĐBE03N06 | Lê Lý Thanh         | Hậu   | 02/12/2004 |       |       |        |         |
| 5   | 005 | CĐBE02N01 | Trần Đức            | Hiển  | 05/06/2003 |       |       |        |         |
| 6   | 006 | CĐBE03N06 | Phạm Văn            | Khánh | 12/04/2003 |       |       |        |         |
| 7   | 007 | CĐBE02N06 | Hoàng Thị           | Liên  | 19/11/2002 |       |       |        |         |
| 8   | 008 | CĐBE03N02 | Nguyễn Quang        | Mỹ    | 25/02/2004 |       |       |        |         |
| 9   | 009 | CĐBE03N04 | Lưu Bình            | Phước | 25/06/2004 |       |       |        |         |
| 10  | 010 | CĐBE03N02 | Lê Văn              | Sơn   | 12/12/2004 |       |       |        |         |
| 11  | 011 | CĐBE03N01 | Nguyễn Trọng        | Thị   | 08/01/2003 |       |       |        |         |
| 12  | 012 | CĐBE03N01 | Võ Ngọc             | Thiện | 21/05/2004 |       |       |        |         |
| 13  | 013 | CĐBE03N02 | Trần Thị Anh        | Thư   | 13/03/2004 |       |       |        |         |
| 14  | 014 | CĐBE03N08 | Văn Phú             | Trí   | 24/04/2004 |       |       |        |         |
| 15  | 015 | CĐBE03N03 | Vũ Nguyễn Ngọc      | Trung | 07/10/2004 |       |       |        |         |
| 16  | 016 | CĐBE04N01 | Võ Thị Mai          | An    | 08/02/2005 |       |       |        |         |
| 17  | 017 | CĐBE04N03 | Nguyễn Hoàng Phương | Anh   | 24/05/2005 |       |       |        |         |
| 18  | 018 | CĐBE04N04 | Nguyễn Chí          | Bảo   | 21/05/2005 |       |       |        |         |
| 19  | 019 | CĐBE04N03 | Nguyễn Phúc Yên     | Bình  | 22/12/2005 |       |       |        |         |
| 20  | 020 | CĐBE04N03 | Nguyễn Thành        | Công  | 06/02/2005 |       |       |        |         |
| 21  | 021 | CĐBE04N01 | Nguyễn Thế          | Doanh | 23/12/2003 |       |       |        |         |
| 22  | 022 | CĐBE04N01 | Lê Hoàng            | Dũng  | 22/08/2003 |       |       |        |         |
| 23  | 023 | CĐBE04N02 | Nguyễn Trường       | Duy   | 12/05/2005 |       |       |        |         |
| 24  | 024 | CĐBE04N04 | Trần Thị Bé         | Ghi   | 03/11/2005 |       |       |        |         |

Tổng số SV dự thi: ..... Vắng mặt: .....; Hiện diện: .....

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THI TỐT NGHIỆP

Môn: 1220211 - HD-Lý thuyết chuyên môn

Ngành/Nghề: Kỹ thuật Chế biến món ăn - 12323

Ngày thi: 15/09/2025

Thời gian thi: 120 phút

Bắt đầu thi lúc: 08h00

Đợt: Đợt 3/2025

Trình độ: Cao đẳng

Phòng: L.202

| STT | SBD | Tên lớp   | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Mã đề | Số tờ | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|--------------------|--------|------------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 025 | CĐBE04N03 | Nguyễn Khắc Trường | Giang  | 03/02/2005 |       |       |        |         |
| 2   | 026 | CĐBE04N03 | Trần Trường        | Giang  | 18/05/2004 |       |       |        |         |
| 3   | 027 | CĐBE04N03 | Trần Ngọc          | Hân    | 06/10/2005 |       |       |        |         |
| 4   | 028 | CĐBE04N01 | Võ Duy             | Hiền   | 20/03/2004 |       |       |        |         |
| 5   | 029 | CĐBE04N03 | Nguyễn Huy         | Hoàng  | 24/10/2005 |       |       |        |         |
| 6   | 030 | CĐBE04N05 | Võ Lưu Phúc        | Hưng   | 17/10/2005 |       |       |        |         |
| 7   | 031 | CĐBE04N04 | Nguyễn Quốc        | Huy    | 12/05/2005 |       |       |        |         |
| 8   | 032 | CĐBE04N02 | Nguyễn Duy Hoàng   | Khương | 11/01/2005 |       |       |        |         |
| 9   | 033 | CĐBE04N02 | Ngô Gia            | Kiệt   | 04/11/2005 |       |       |        |         |
| 10  | 034 | CĐBE04N02 | Nguyễn Thị         | Linh   | 12/05/2005 |       |       |        |         |
| 11  | 035 | CĐBE04N03 | Trịnh Thị Yến      | Linh   | 30/05/2005 |       |       |        |         |
| 12  | 036 | CĐBE04N01 | Nguyễn Đăng        | Lợi    | 15/08/2004 |       |       |        |         |
| 13  | 037 | CĐBE04N01 | Nguyễn Đức         | Lợi    | 01/09/2003 |       |       |        |         |
| 14  | 038 | CĐBE04N01 | Võ Nguyễn Thiên    | Long   | 10/07/2005 |       |       |        |         |
| 15  | 039 | CĐBE04N03 | Đặng Thị Kim       | Luyến  | 30/11/2005 |       |       |        |         |
| 16  | 040 | CĐBE04N01 | Trần Thị Diễm      | My     | 07/10/2005 |       |       |        |         |
| 17  | 041 | CĐBE04N01 | Trần Bảo           | Năng   | 12/02/2004 |       |       |        |         |
| 18  | 042 | CĐBE04N03 | Đinh Thị Tuyết     | Ngân   | 16/03/2005 |       |       |        |         |
| 19  | 043 | CĐBE04N02 | Nguyễn Ngọc Kim    | Ngân   | 05/11/2002 |       |       |        |         |
| 20  | 044 | CĐBE04N03 | Phạm Mai Xuân      | Nghi   | 21/10/2005 |       |       |        |         |
| 21  | 045 | CĐBE04N03 | Phạm Yến           | Nghi   | 09/08/2005 |       |       |        |         |
| 22  | 046 | CĐBE04N01 | Phạm Khôi          | Nguyên | 31/07/2005 |       |       |        |         |
| 23  | 047 | CĐBE04N01 | Lê Gia             | Nhật   | 12/11/2005 |       |       |        |         |
| 24  | 048 | CĐBE04N01 | Trần Hữu           | Nhật   | 24/12/2003 |       |       |        |         |
| 25  | 049 | CĐBE04N02 | Võ Hồng            | Phát   | 06/05/2005 |       |       |        |         |
| 26  | 050 | CĐBE04N02 | Ngô Trọng          | Phúc   | 07/04/2005 |       |       |        |         |
| 27  | 051 | CĐBE04N03 | Nguyễn Châu Thiên  | Phúc   | 23/10/2005 |       |       |        |         |
| 28  | 052 | CĐBE04N02 | Trần Trọng         | Phúc   | 11/11/2004 |       |       |        |         |
| 29  | 053 | CĐBE04N01 | Ôn Kim             | Phụng  | 13/11/1998 |       |       |        |         |
| 30  | 054 | CĐBE04N04 | Trần Minh          | Quân   | 28/09/2005 |       |       |        |         |

Tổng số SV dự thi: ..... Vắng mặt: .....; Hiện diện: .....

CÁN BỘ COI THI 1  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025  
CÁN BỘ COI THI 2  
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THI TỐT NGHIỆP

Môn: 1220211 - HD-Lý thuyết chuyên môn  
Ngành/Nghề: Kỹ thuật Chế biến món ăn - 12323  
Ngày thi: 15/09/2025 Thời gian thi: 120 phút  
Đợt: Đợt 3/2025  
Trình độ: Cao đẳng  
Phòng: L.101

Bắt đầu thi lúc: 08h00

| STT | SBD | Tên lớp   | Họ và tên           |        | Ngày sinh  | Mã đề | Số tờ | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|---------------------|--------|------------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 055 | CĐBE04N01 | Ngô Ngọc            | Quí    | 19/03/2003 |       |       |        |         |
| 2   | 056 | CĐBE04N03 | Đặng Trúc           | Quỳnh  | 04/08/2005 |       |       |        |         |
| 3   | 057 | CĐBE04N03 | Nguyễn Thị Như      | Quỳnh  | 02/08/2005 |       |       |        |         |
| 4   | 058 | CĐBE04N03 | Nguyễn Văn          | Sơn    | 27/01/2005 |       |       |        |         |
| 5   | 059 | CĐBE04N02 | Tô Điền             | Sơn    | 30/04/2005 |       |       |        |         |
| 6   | 060 | CĐBE04N05 | Đỗ Minh             | Tâm    | 17/02/2001 |       |       |        |         |
| 7   | 061 | CĐBE04N03 | Nguyễn Duy          | Tân    | 29/09/2005 |       |       |        |         |
| 8   | 062 | CĐBE04N03 | Nguyễn Thanh        | Thái   | 20/02/2005 |       |       |        |         |
| 9   | 063 | CĐBE04N01 | Liều Văn            | Thắng  | 05/11/2004 |       |       |        |         |
| 10  | 064 | CĐBE04N03 | Nguyễn Quang        | Thắng  | 05/01/2005 |       |       |        |         |
| 11  | 065 | CĐBE04N03 | Đoàn Mai Thanh      | Thảo   | 07/05/2005 |       |       |        |         |
| 12  | 066 | CĐBE04N02 | Phạm Thị Thanh      | Thảo   | 17/07/2004 |       |       |        |         |
| 13  | 067 | CĐBE04N04 | Trương Ngọc         | Thiện  | 02/08/2005 |       |       |        |         |
| 14  | 068 | CĐBE04N05 | Lư Sanh             | Thịnh  | 10/12/2005 |       |       |        |         |
| 15  | 069 | CĐBE04N01 | Trần Anh            | Thoại  | 10/09/2004 |       |       |        |         |
| 16  | 070 | CĐBE04N03 | Huỳnh Thế           | Thông  | 22/02/2005 |       |       |        |         |
| 17  | 071 | CĐBE04N03 | Ngô Anh             | Thư    | 09/02/2005 |       |       |        |         |
| 18  | 072 | CĐBE04N02 | Trương Trí          | Thức   | 06/10/2004 |       |       |        |         |
| 19  | 073 | CĐBE04N02 | Phạm Thị Bích       | Thương | 03/02/2005 |       |       |        |         |
| 20  | 074 | CĐBE04N03 | Lâm Văn             | Toàn   | 05/06/2005 |       |       |        |         |
| 21  | 075 | CĐBE04N02 | Lê Quỳnh            | Trân   | 27/01/2004 |       |       |        |         |
| 22  | 076 | CĐBE04N02 | Trần Cao Bảo        | Trân   | 02/09/2005 |       |       |        |         |
| 23  | 077 | CĐBE04N03 | Trần Minh           | Triết  | 24/02/2002 |       |       |        |         |
| 24  | 078 | CĐBE04N01 | Nguyễn Việt Hải     | Tùng   | 12/07/2005 |       |       |        |         |
| 25  | 079 | CĐBE04N01 | Võ Lê Cát           | Tường  | 05/01/2005 |       |       |        |         |
| 26  | 080 | CĐBE04N05 | Nguyễn Dương Phương | Uyên   | 22/08/2005 |       |       |        |         |
| 27  | 081 | CĐBE04N01 | Từ Chấn             | Vinh   | 31/10/2002 |       |       |        |         |
| 28  | 082 | CĐBE04N03 | Phạm Hồng           | Vũ     | 06/07/2005 |       |       |        |         |
| 29  | 083 | CĐBE04N03 | Nguyễn Thị Kim      | Xoàn   | 03/10/2005 |       |       |        |         |
| 30  | 084 | CĐBE04N02 | Nguyễn Thị Như      | Ý      | 14/02/2005 |       |       |        |         |

Tổng số SV dự thi: ..... Vắng mặt: .....; Hiện diện: .....

CÁN BỘ COI THI 1  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025  
CÁN BỘ COI THI 2  
(Ký và ghi rõ họ tên)